

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2018/HS-ST**

Ngày: 30/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Kim Anh.

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Trần Ngọc A**; Sinh ngày: 20/7/1983; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 38/24A đường NTT, khu phố 1, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 97/8 đường ĐNT, khu phố 1, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh H (chết) và bà Nguyễn Thị H; Có vợ: Là bà Nguyễn Thị H và con: Có 01 người con, sinh năm 2001; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 18/9/2018.

Nhân thân:

- Ngày 20/8/2004, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 155/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2005 (Giấy chứng nhận đặc xá tha tù trước thời hạn số: 210/GCN của Trại giam Châu Bình).

- Ngày 22/02/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 27/2006/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2007 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 163/GCN của Trại giam Thủ Đức).

- Ngày 27/7/2009, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» (Bản án số: 217/2009/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/10/2010 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 1432/GCN-CHXHPT của Trại giam An Phước).

- Ngày 04/10/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 13247/QĐ-UBND).

- Ngày 13/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 02/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2014 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1062/GCN-CHXHPT của Trại giam Thạnh Hòa).

(có mặt)

2. **Trần Ngọc M** (tên gọi khác là Minh Điểm); Sinh ngày: 25/5/1994; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 38/24A đường NTT, khu phố 1, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 97/8 đường ĐNT, khu phố 1, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh H (chết) và bà Nguyễn Thị H; Có vợ: Là bà Võ Thị Ánh V và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 18/9/2018.

Nhân thân: Ngày 31/12/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 12935/QĐ-UBND).

(có mặt)

- *Bị hại:*

Ông Vũ Nhật C; Sinh năm: 1984; Trú tại: 246 đường NVL, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Em Nguyễn Trường D; Sinh ngày 03/6/2002;

- Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Trường D: Ông Nguyễn Thanh T; Sinh năm: 1973 - Là cha của em Nguyễn Trường D;

Cùng trú tại: 1169 đường TL J, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi thống nhất cùng nhau đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Khoảng 17 giờ ngày 18/9/2018, Trần Ngọc A điều khiển

xe gắn máy biển số 50N1-267.19 chở Trần Ngọc M chạy lòng vòng tìm tài sản. Khi chạy ngang tiệm internet số 246 đường NVL, Phường K, Quận F, A và M phát hiện trước cửa tiệm để rất nhiều xe mà không có người trông coi, nên cả hai giả vờ vào chơi game để tìm cơ hội lấy trộm xe. Đến 17 giờ 45 phút cùng ngày, M thấy trước cửa tiệm internet có để 01 chiếc xe đạp điện màu xanh nên kêu A tính tiền nhằm đứng che khuất tầm nhìn của ông Vũ Nhật C (chủ tiệm internet), để M ra lấy chiếc xe đạp điện này và trong lúc A tính tiền, M lấy chiếc xe đạp điện chạy đến trước nhà số 600 đường HG, Phường L, Quận F thì bị lực lượng trinh sát hình sự Công an Quận 6 trên đường tuần tra phát hiện bắt giữ.

Về phần Trần Ngọc A, sau khi thấy M đã lấy được chiếc xe, A cũng ra lấy chiếc xe gắn máy biển số 50N1-267.19 định tẩu thoát thì bị lực lượng trinh sát bắt giữ.

Tại Công an Phường 11, Quận 6 cũng như tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Trần Ngọc A và Trần Ngọc M đều khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Tại Văn bản số: 1506/TCKH ngày 19 tháng 9 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 01 xe đạp điện màu xanh, nhãn hiệu BMX (đã qua sử dụng), có giá là 3.780.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 113/CT-VKS-Q6 ngày 15 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M đều khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe đạp điện màu xanh (các bị cáo không biết nhãn hiệu) tại tiệm internet số 246 đường NVL, Phường K, Quận F vào khoảng 17 giờ 45 phút ngày 18/9/2018 và bị phát hiện bắt quả tang như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Ngọc A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Ngọc M từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 50N1-267.19, số khung RLHJF581XGY037954, số máy

JF66E0037981 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, sơn màu Trắng Đen, dung tích 108).

Trả lại bị cáo Trần Ngọc M 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu trắng (có 01 sim điện thoại Mobifone bên trong).

Còn chiếc xe đạp điện màu xanh, nhãn hiệu BMX, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại chủ sở hữu là em Nguyễn Trường D, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của bị hại Vũ Nhật C; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Trường D và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M với ý định phạm tội có từ trước, đã lén lút chiếm đoạt của em Nguyễn Trường D 01 chiếc xe đạp điện màu xanh, nhãn hiệu BMX trị giá 3.780.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo là quá liều lĩnh, không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M đều có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do tham lam, lười

lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn con nghiện mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Trong vụ án, bị cáo Trần Ngọc A là người rủ rê, xúi giục và giúp sức tích cực cho bị cáo Trần Ngọc M thực hiện hành vi phạm tội. Còn bị cáo Trần Ngọc M là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Tuy các bị cáo có thống nhất cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[3] Các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M đều có nhân thân xấu, đó là ngày 20/8/2004, bị cáo Trần Ngọc A bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 22/02/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 27/7/2009, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 02 năm tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có»; ngày 04/10/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 13/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Còn bị cáo Trần Ngọc M, ngày 31/12/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù lần phạm tội này các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, các bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, việc các bị cáo bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả chủ sở hữu); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo Trần Ngọc M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình cho các bị cáo tùy theo mức độ, vai trò của từng bị cáo theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, thì các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét các bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe đạp điện màu xanh, nhãn hiệu BMX trả lại chủ sở hữu là em Nguyễn Trường D (theo Biên

bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 01/10/2018 - BL54). Em Nguyễn Trường D; người đại diện hợp pháp của em Duy và bị hại Vũ Nhật C không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Việc xử lý vật chứng: Phương tiện mà các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M dùng vào việc phạm tội là chiếc xe gắn máy biển số 50N1-267.19, số khung RLHJF581XGY037954, số máy JF66E0037981 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, sơn màu Trắng Đen, dung tích 108), Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu trắng (có 01 sim điện thoại Mobifone bên trong) thu giữ của bị cáo Trần Ngọc M. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo M vì không đủ chứng cứ xác định do các bị cáo phạm tội mà có hoặc các bị cáo sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo hai Phiếu nhập kho vật chứng số: 158/PNK ngày 02 tháng 10 năm 2018 và số: 189/PNK ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Công an Quận 6 - BL86, 88).

[8] Các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Trần Ngọc A, Trần Ngọc M** (MĐ) phạm tội: « Trộm cắp tài sản ».

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc A** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc M** (MĐ) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2018.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 50N1-267.19, số khung RLHJF581XGY037954, số máy JF66E0037981 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, sơn màu Trắng Đen, dung tích 108).

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Trần Ngọc M 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu trắng (có 01 sim điện thoại Mobifone bên trong).

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trần Ngọc A, Trần Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên